

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC

Trụ sở chính : Tòa nhà 80 - 82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: 511 - 3822057 | Fax: 511 - 3822478 | MSDN: 0400101901

Email: hrd@vietranstimex.com.vn | Website: www.vietranstimex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
MULTI MODAL TRANSPORT HOLDING COMPANY**



Số 80-82 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại : 511 – 3840399 / 3821626

Fax : 511 – 3822478 / 3822376

Mã số doanh nghiệp : 0400101901

www.vietranstimex.com.vn

hrd@vietranstimex.com.vn



MỤC LỤC

Lịch sử hình thành và phát triển	Trang 3
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	Trang 6
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Trang 9
Báo cáo tài chính	Trang 12
Giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán	Trang 15
Các Công ty có liên quan	Trang 16
Tổ chức và nhân sự	Trang 20
Thông tin cổ đông góp vốn và quản trị Công ty	Trang 25



I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Những sự kiện quan trọng

1.1 Lịch sử hình thành

- Ngày 27/03/1976: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1313/QĐ-TC về việc thành lập Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các khu vực Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và các tỉnh lân cận theo kế hoạch Bộ Giao thông Vận tải giao.
- Ngày 17/05/1979: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1096/QĐ-TC về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải đảm nhận công tác đại lý vận tải hàng hóa tại các tỉnh Miền Trung từ Bình Trị Thiên (cũ) đến Phú Khánh (cũ).
- Ngày 20/04/1983: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 855/QĐ-TCCB về việc đổi tên Công ty Đại lý Vận tải Khu vực II thành Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Đại lý Vận tải đường biển Việt Nam.
- Ngày 01/08/1983: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1561/QĐ/TCCB về việc đổi tên Xí nghiệp Đại lý Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Đại lý Vận tải đường biển II trực thuộc Tổng cục đường biển Việt Nam.
- Ngày 16/12/1987: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 2339b/TCCB về việc chuyển Công ty Đại lý Vận tải Đường biển II thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải để đảm nhận nhiệm vụ tổ chức liên hiệp vận chuyển và thực hiện các loại dịch vụ vận tải.
- Ngày 11/03/1993: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 385/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải theo quy chế về thành lập và giải thể Doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Chính phủ).
- Ngày 27/11/1995: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 4896/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng trực thuộc Tổng công ty Dịch vụ Vận tải.
- Ngày 15/05/1997: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1273/QĐ/TCCB-LĐ về việc chuyển Công ty Dịch vụ Vận tải Đà Nẵng thành Công ty Dịch vụ Vận tải II trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải.
- Ngày 21/10/2003: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 3097/QĐ-BGTVT về việc đổi tên Công ty Dịch vụ Vận tải II thành Công ty Vận tải đa phương thức trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

1.2 Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

- Ngày 11/03/2008: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 598/QĐ-BGTVT của về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa năm 2008; trong đó có Công ty Vận tải đa phương thức.
- Ngày 28/05/2010: Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải đa phương thức.



- Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo thông báo số 1272/SGDHN-TCKT ngày 21/07/2010 và Thông báo số 1529/SGDHN-TCKT ngày 25/08/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Ngày 25/10/2010: Công ty Vận tải đa phương thức tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- Ngày 01/11/2011: Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

1.3 Mô hình tổ chức

- Mô hình tổ chức : Công ty mẹ - Công ty con (Holding Company)
- Công ty mẹ : Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức.
- Các công ty con :
 - + Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
 - + Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
 - + Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội
 - + Công ty TNHH Liên doanh BNX – VIETRANSTIMEX
- Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh và giải thể Công ty TNHH Liên doanh BNX-VIETRANSTIMEX tại công văn số 874/2011/CV-TCLĐ ngày 16/12/2011.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đã đăng ký các ngành nghề kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/11/2010:

- Vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa; ven biển và viễn dương;
- Vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển;
- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; hàng hóa tại cảng sông và cảng biển; các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác;
- Kinh doanh logistic; cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa; đóng gói, bao bì cho hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Gia công chế tạo sơ mi rơ moóc, rơ moóc chuyên dùng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, xếp dỡ; máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; bao gồm: khảo sát hạ tầng giao thông; xây dựng phương án vận tải, xếp dỡ; phương án gia cố hạ tầng giao thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị; bao gồm: phương tiện thiết bị vận tải, xếp dỡ;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; bao gồm: cung ứng và cho thuê nhân lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ;



- Mua bán, đại lý, gia công, chế biến và phân phối các loại hàng hóa;
- Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư.
- Xây dựng, quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển; dịch vụ cảng và bến cảng.

3. Định hướng phát triển

3.1 Các mục tiêu chiến lược của Công ty

- Giữ vững vị trí là một trong những nhà thầu vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng dự án và thiết bị toàn bộ hàng đầu Việt Nam, từng bước phát triển để trở thành một trong những nhà thầu vận tải hàng đầu Đông Nam Á.
- Đảm bảo là một trong những cổ phiếu trong lĩnh vực vận tải hấp dẫn các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có liên quan mật thiết trên nền tảng ngành nghề kinh doanh chính.
- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8%/ năm (*Trước tình hình suy thoái của kinh tế thế giới cũng như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ giai đoạn 2010-2020, tốc độ tăng trưởng dài hạn bình quân của Việt Nam bình quân từ 7 - 7,5%/năm; Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức đã thay đổi mục tiêu chiến lược xác định tại kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2011 là từ 12%/năm thành 8%/năm trong giai đoạn 2012 - 2016*).

Riêng mục tiêu “*Duy trì và phát triển Công ty cổ phần theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con*” đang được Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con xem xét tại kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết kinh tế, tận dụng các cơ hội thuận lợi của hội nhập khu vực và quốc tế, tăng cường hợp tác với các tập đoàn vận tải nước ngoài có cùng ngành nghề, có cơ sở vật chất kỹ thuật mạnh để cùng thắng thầu các dự án vận tải ở trong nước và khu vực; khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại nhất là trong lĩnh vực tiếp thị.
- Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư, đổi mới công nghệ và phát triển nhanh, vững chắc cơ sở hạ tầng, năng lực phương tiện thiết bị.
- Thực hiện đầu tư chiều sâu và áp dụng đồng bộ công nghệ tiên tiến, hiện đại về phương tiện, thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng, thiết bị toàn bộ và các dịch vụ khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu vận tải hàng hoá của các dự án trong nước và khu vực.
- Mở rộng kinh doanh nhiều ngành nghề như: phát triển vận tải, dịch vụ vận tải đa phương thức, các loại hình dịch vụ cảng biển - logistic, tham gia đầu tư xây dựng kinh doanh cảng biển, phục vụ các công trình ven biển bằng các phương tiện vận tải biển chuyên dùng. Đầu tư mở rộng sản xuất cơ khí chế tạo trong lĩnh vực chế tạo các rơ moóc chuyên dùng (*rơ moóc vận chuyển container, moóc siêu trường siêu trọng...*) và các sản phẩm cơ khí khác phục vụ cho nội bộ và từng bước mở rộng bán sản phẩm ra ngoài xã hội.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và phát triển dịch vụ mới.



- Phát triển vận tải hàng dự án, hàng siêu trường, siêu trọng và thiết bị toàn bộ của các công trình thuộc ngành công nghiệp điện, xi măng, đạm, dầu khí... Mở rộng tuyến vận chuyển xuyên Á qua các cửa khẩu đường 9, đường 12, đường 8 với các mặt hàng thông qua như thạch cao, xi măng... Liên doanh với các nhà máy xi măng để vận chuyển nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm 2011 đã đi qua, nhìn lại tình hình kinh tế thế giới năm 2011, Tuần báo Time của Mỹ khái quát là năm 2011 là năm “U ám”. Khủng hoảng tiền tệ mà đặc trưng là nợ công làm rung chuyển thế giới, có lúc đứng trước nguy cơ sụp đổ cả hệ thống tiền tệ khu vực, mức độ tín nhiệm tín dụng của nhiều nước bị hạ thấp. Báo cáo “Triển vọng kinh tế thế giới” do IMF công bố, đã hạ thấp tốc độ tăng trưởng GDP thế giới xuống còn 4% trong năm 2011.
- Trong khi đó, năm 2011 cũng là một năm sóng gió đối với nền kinh tế Việt Nam, Tổng cục Thống kê ước tính tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ tăng 5,89%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2011 tăng 18,58% so với năm 2010, do lạm phát ở mức khá cao nên tăng trưởng tín dụng thấp khiến cho cả nền kinh tế đình đốn, sự thiếu hụt tiền đồng dẫn đến lãi suất quá cao, lãi suất cho vay bình quân năm 2011 khoảng 18,3%, có những lúc đã lên đến 25%, vượt xa khả năng sinh lời của hầu hết các ngành nghề kinh doanh; gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay ngân hàng.
- Đối với hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa năm 2011 ước tính tăng 12,1% về khối lượng vận chuyển, giảm 2,2% về khối lượng luân chuyển và chỉ số giá cước vận tải tăng 18,52% so với năm 2010. Giá xăng dầu cũng đã có sự điều chỉnh với 2 lần tăng giá và 3 lần giảm giá, bình quân cả năm tăng 30,27%.
- Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội nên rất nhiều dự án, công trình đã hoãn tiến độ hoặc hoãn triển khai làm ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường, doanh thu thực hiện 2011 của Công ty. Việc làm trở nên khan hiếm làm cho cạnh tranh trở nên khốc liệt hơn dẫn đến giá trúng thầu ngày càng thấp đi; trong khi đó việc thanh toán hợp đồng vận tải bị kéo dài, vốn bị chiếm dụng dây chuyền làm chi phí vốn của Công ty tăng cao, cộng với giá nhiên liệu và một số yếu tố chi phí đầu vào khác tăng cao đã tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động SXKD năm 2011

1.1 Kết quả tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	%
Tổng doanh thu	285.000.000.000	277.209.946.927	97.3
Lợi nhuận trước thuế	35.800.000.000	15.661.234.678	43.7
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.520.000.000	4.035.726.034	53.7



Lợi nhuận sau thuế	28.280.000.000	11.625.508.644	41,1
Nộp ngân sách nhà nước	23.200.000.000	26.124.938.085	112,6

1.2 Tình hình phân chia lợi nhuận năm 2011

- Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, phương án phân phối lợi nhuận như sau:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	%
1	Trích lập các quỹ			
	- Trích 5% cho quỹ bổ sung vốn điều lệ	1.414.000.000	581.000.000	41,1
	- Trích 5% cho quỹ dự phòng tài chính	1.414.000.000	581.000.000	41,1
	- Trích 4,5% cho quỹ khen thưởng phúc lợi	1.414.000.000	528.873.423	37,0
	- Trích 10% cho quỹ khen thưởng Ban điều hành		0	0
2	Lợi nhuận còn lại chi trả cổ tức	24.038.000.000	10.000.000.000	41,6
	- Cổ tức chi trả cho cổ đông	24.038.000.000	10.000.000.000	41,6
3	Tỷ lệ cổ tức	12%	5%	41,7

2. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2012

- Theo giới phân tích, 2012 sẽ tiếp tục là năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới, chưa có tín hiệu phục hồi, trong bối cảnh các giải pháp đã đưa ra cho cuộc khủng hoảng nợ châu Âu là chưa đủ. Thất nghiệp cao ở các nền kinh tế phát triển và lạm phát leo thang ở các nước đang phát triển vẫn chưa thể giải quyết. Kịch bản xấu nhất là Eurozone đổ vỡ sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới. IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2012 từ 4,5% được đưa ra trước đó xuống mức 4%.
- Việt Nam đưa ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2012 sẽ cao hơn năm 2011, trong đó lạm phát sẽ hạ xuống mức 9%, giảm hơn một nửa so với năm 2011, tăng trưởng kinh tế ở mức 6% - 6,5%, đầu tư hạ từ mức 40% xuống 33% GDP.
- Trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam đang trong tình trạng đóng cửa, thiếu vốn vì lãi suất cao, đứng trước nguy cơ phá sản. Nhiều mặt hàng thiết yếu như than, điện sẽ được điều chỉnh giá, riêng giá xăng dầu theo cơ chế thị trường sẽ tác động đến các mặt hàng khác khiến cho việc kiểm chế, kiểm soát giá hết sức khó khăn. Bên cạnh đó, năm 2012 cũng là năm bắt đầu thực hiện lộ trình tái cơ cấu nền kinh tế, thực chất là tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.
- Theo nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế nhận định kinh tế Việt Nam trong năm 2012 sẽ khó khăn hơn năm 2011.
- Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị xác định các nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch năm 2012 như sau:

4.1 Giao chỉ tiêu kinh doanh cho Bộ máy điều hành



- Sau khi Đại hội đồng cổ đông 2012 thông qua Nghị quyết về các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch; Hội đồng Quản trị sẽ giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.
- Hội đồng Quản trị sẽ phân công các thành viên tham gia hỗ trợ, theo dõi giám sát Bộ máy điều hành thực hiện kế hoạch năm 2012 đảm bảo thành công, gồm các chỉ tiêu cơ bản sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	%
1	Tổng doanh thu	277.209.946.927	290.000.000.000	104.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	15.661.234.678	26.352.000.000	168.2%
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.035.726.034	6.588.000.000	165.0%
4	Lợi nhuận sau thuế	11.625.508.644	19.764.000.000	169.8%
5	Nộp ngân sách nhà nước	26.124.938.085	27.976.000.000	106.9%
6	ROE (%)	5,1	7,4	145,0%
7	ROA (%)	2,2	3,5	159,0%

- Riêng dự kiến tỷ lệ trích lập các quỹ, cổ tức và lợi nhuận để lại sẽ do Đại hội đồng cổ đông 2012 xem xét quyết định.
- Để tạo tiền đề và góp phần cùng Bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao; Hội đồng Quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược như dưới đây.

4.2 Mở rộng thị trường và đa dạng hóa kinh doanh

- Chấp thuận cho Bộ máy điều hành triển khai thủ tục thành lập và sớm đưa Văn phòng Đại diện tại Phnom Penh và Viêng Chăn đi vào hoạt động và có hiệu quả; tiếp tục nghiên cứu thị trường tiềm năng Myanmar.
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược dẫn đầu thị trường với phân khúc hàng dự án và thiết bị siêu trường siêu trọng nhưng sẵn sàng nắm bắt cơ hội, chọn lựa các đối tác phù hợp để triển khai kinh doanh dịch vụ logistic.

4.3 Tái cấu trúc tổ chức và củng cố nhân sự thành công

- Thực hiện nhiệm vụ tái cấu trúc Công ty đúng lộ trình, dự kiến Công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình cấu trúc mới từ Quý IV năm 2012.
- Nhanh chóng ổn định tổ chức, sắp xếp, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý đáp ứng nhiệm vụ mới, nhằm phát huy nội lực tốt nhất để phát triển Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

4.4 Cơ cấu lại tài sản, nguồn vốn và chi phí hợp lý

- Hội đồng Quản trị sẽ yêu cầu Bộ máy điều hành rà soát lại toàn bộ việc sử dụng, khai thác các tài sản của Công ty, đặc biệt là bất động sản; nếu tài sản nào không đảm bảo khả năng sinh lời hay không phục vụ cho mục tiêu chiến lược thì sẽ xem xét chuyển đổi mục đích khai thác/sử dụng, góp vốn kinh doanh hoặc nhượng bán để góp phần tái cơ cấu nguồn vốn.
- Đồng thời, xem xét lại tính hợp lý, hiệu quả của từng khoản mục chi phí cấu thành trong tổng chi phí hoạt động của Công ty để nâng dần tỷ lệ biên lợi nhuận (PM), điều này đặc



biệt có ý nghĩa trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế vẫn chưa qua cũng như tạo cơ sở cho lợi thế cạnh tranh bằng giá cho Công ty.

- Trao đổi thống nhất với cổ đông chiến lược việc đầu tư chéo giữa các bên, thoái vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình theo đề nghị của PTSC.
- Xem xét chọn phương án tối ưu, thời điểm thích hợp và đối tác phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn thông qua việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu hoặc thuê tài chính đảm bảo chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC) ở mức thấp nhất trong điều kiện, hoàn cảnh của nền kinh tế và Công ty.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Chỉ số khả năng sinh lời

1. Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	27,40%
2. Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	5,90%
3. Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	4,38%
4. ROA	%	2,22%
5. ROE	%	5,12%

1.2 Chỉ số khả năng thanh toán

1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	0,87
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10

1.3 Tổng tài sản

- Tại thời điểm 31/12/2011: Tổng tài sản theo báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán là 524.518.918.286 đồng.

1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu quỹ	0
- Cổ phiếu phổ thông	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng	



1.5 Cổ tức chia cho các cổ đông

- Tỷ lệ cổ tức và thời gian chi trả cổ tức năm 2011 cho các cổ đông góp vốn dự kiến 5 % trên mệnh giá cổ phiếu và do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 quyết định.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả SXKD năm 2011 của Công ty được đánh giá như sau:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	%
Tổng doanh thu	285.000.000.000	277.209.946.927	97,3
Lợi nhuận trước thuế	35.800.000.000	15.661.234.678	43,7
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.520.000.000	4.035.726.034	53,7
Lợi nhuận sau thuế	28.280.000.000	11.625.508.644	41,1
Nộp ngân sách nhà nước	23.200.000.000	26.124.938.085	112,6
Tổng quỹ tiền lương	55.450.000.000	43.294.000.000	78,0
Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	10.190.000	9.110.000	89,4

- Năm 2011 do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, nền kinh tế trong nước cũng bị tác động mạnh khiến cho các dự án đầu tư trong nước giảm, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, quyết định những vấn đề có liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty. Những vấn đề được Hội đồng quản trị xem xét thực tế phê duyệt phù hợp với tính năng hoạt động đa năng, lưu động thường xuyên của Công ty.
- Hội đồng quản trị quản lý Công ty sâu sát hơn, cụ thể hơn và có nhiều giải pháp tích cực nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận, cổ tức theo nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập người lao động trên cơ sở nâng cao năng suất, hiệu quả.
- Ban Kiểm soát giúp Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty mẹ và Công ty con, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ... Ban Kiểm soát hoạt động tích cực, góp phần đưa hoạt động của Công ty vào nề nếp.
- Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, cùng với sự tham mưu giúp việc của các phòng ban nghiệp vụ.
- Sự phối hợp nhịp nhàng trên đã từng bước đưa hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức theo mô hình Công ty cổ phần đi vào ổn định.
- Căn cứ vào Điều lệ, các quy định của Nhà nước, Công ty đã xây dựng “Quy chế quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh” trình Hội đồng quản trị phê duyệt để tổ chức thực



hiện. Quy chế mới sẽ thể hiện tính thống nhất, tính chỉ đạo, phân công, phân cấp cụ thể trong mọi lĩnh vực, là cẩm nang quan trọng để các phòng ban nghiệp vụ, các Công ty phụ thuộc. Các Công ty con tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm cao hơn, bên cạnh sự quản lý, giám sát của Công ty mẹ qua người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty con.

- Dưới sự quản lý của Hội đồng quản trị và điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần đã phát huy kết quả thiết thực, vốn tại doanh nghiệp liên tục được bổ sung, doanh thu, các chỉ tiêu kinh tế đạt cao, đời sống, thu nhập của người lao động không ngừng được nâng cao.
- Từ khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng thông thoáng, kịp thời hơn, tạo được tính năng động sáng tạo, tự chủ của các Công ty con. Đối với các Công ty phụ thuộc, tính chủ động càng được nâng cao, hoạt động năng nổ hơn, nhất là những vấn đề đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh được xem xét, giải quyết kịp thời, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty tăng lên đáng kể. Đời sống người lao động không ngừng được cải thiện, năng suất lao động tăng, đảm bảo nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước và các chỉ tiêu kinh tế khác.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2012

- Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2011, Ban Tổng giám đốc đã đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012 số liệu cụ thể như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	%
1	Tổng doanh thu	277.209.946.927	290.000.000.000	104.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	15.661.234.678	26.352.000.000	168.2%
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.035.726.034	6.588.000.000	165.0%
4	Lợi nhuận sau thuế	11.625.508.644	19.764.000.000	169.8%
5	Nộp ngân sách nhà nước	26.124.938.085	27.976.000.000	106.9%

- Để có thể thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, Ban Tổng giám đốc công ty sẽ đề ra những nhóm giải pháp cụ thể để triển khai từng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay sau khi kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua.
- Tăng cường công tác tiếp thị, đón đầu các dự án mới, đánh giá năng lực của các đối thủ cạnh tranh, tiếp cận tình hình tài chính của chủ hàng, chủ đầu tư để quyết định giá từng gói thầu.
- Chỉ đạo tốt công tác điều hành các dự án, tăng cường chất lượng vận tải, dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Không ngừng tạo dựng uy tín, duy trì hình ảnh, thương hiệu VIETRANSTIMEX trên thương trường.
- Cân đối lại toàn bộ tài sản hiện có, tập trung đầu tư trọng tâm vào lĩnh vực vận tải hàng siêu trường, siêu trọng, hàng dự án. Thanh lý những tài sản không phát huy hiệu quả.
- Tiết giảm chi phí, tiếp tục tái cấu trúc toàn công ty, tổ chức bộ máy quản lý điều hành tinh, gọn.



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.695.441.642	156.700.041.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.159.205.500	50.949.688.678
1. Tiền	111		9.159.205.500	19.449.688.678
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	31.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.307.430.350	81.934.449.898
1. Phải thu khách hàng	131		75.126.082.972	59.051.199.330
2. Trả trước cho người bán	132		3.837.645.984	20.677.726.596
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.291.147.183	2.205.523.972
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(947.445.789)	-
IV. Hàng tồn kho	140		38.754.711.858	17.778.765.767
1. Hàng tồn kho	141	7	38.754.711.858	17.778.765.767
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.474.093.934	6.037.136.787
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	735.012.705	347.965.139
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		335.351.784	143.588.828
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	282.792.907	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	10.120.936.538	5.545.582.820
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		377.823.476.644	265.677.046.450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		340.701.278.639	237.143.333.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	255.783.321.630	163.705.978.431
- Nguyên giá	222		453.525.995.042	329.583.644.159
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(197.742.673.412)	(165.877.665.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	6.466.215.803	1.432.642.535
- Nguyên giá	225		8.045.140.182	2.096.542.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.578.924.379)	(663.899.465)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	71.145.348.267	68.421.196.479
- Nguyên giá	228		73.290.476.848	68.910.917.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.145.128.581)	(489.721.090)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	7.306.392.939	3.583.516.497
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	29.649.203.292	17.946.318.625
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.365.673.471	17.365.673.471
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.316.000.000	816.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.032.470.179)	(235.354.846)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.472.994.713	10.587.393.883
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	7.041.994.713	10.479.393.883
2. Tài sản dài hạn khác	268		431.000.000	108.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		524.518.918.286	422.377.087.580



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		297.557.762.295	203.712.415.999
I. Nợ ngắn hạn	310		168.079.781.234	128.371.607.431
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	119.499.448.011	59.902.104.011
2. Phải trả người bán	312		9.132.425.499	5.870.127.978
3. Người mua trả tiền trước	313		1.290.947.568	290.019.232
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	3.137.192.477	4.363.939.294
5. Phải trả người lao động	315		4.571.626.330	7.299.156.982
6. Chi phí phải trả	316	19	4.171.282.032	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	26.062.916.829	50.451.517.446
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		213.942.488	194.742.488
II. Nợ dài hạn	330		129.477.981.061	75.340.808.568
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	129.260.615.247	75.207.792.025
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		46.096.098	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		109.334.233	11.627.653
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		61.935.483	121.388.890
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.961.155.991	218.664.671.581
I. Vốn chủ sở hữu	410		226.961.155.991	218.664.671.581
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	15.055.540.080	15.055.540.080
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	22	-	(470.975.766)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	214.742.488	214.742.488
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	11.690.873.423	3.865.364.779
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		524.518.918.286	422.377.087.580



2. Báo cáo kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	265.613.409.284	241.249.060.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	265.613.409.284	241.249.060.046
4. Giá vốn hàng bán	11	24	192.840.892.587	179.701.667.972
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		72.772.516.697	61.547.392.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.223.130.788	3.966.141.078
7. Chi phí tài chính	22	26	34.643.683.349	19.921.508.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	32.548.803.111	16.945.732.629
8. Chi phí bán hàng	24		453.923.301	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.269.164.859	25.298.411.760
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.628.875.976	20.293.612.691
11. Thu nhập khác	31	27	4.373.406.855	2.640.165.011
12. Chi phí khác	32	28	2.341.048.153	695.370.710
13. Lợi nhuận khác	40		2.032.358.702	1.944.794.301
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	15.661.234.678	22.238.406.992
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.989.629.936	5.359.494.335
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	46.096.098	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	11.625.508.644	16.878.912.657
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	581	-



3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	273.104.053.520	219.401.616.294
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(204.934.463.149)	(115.786.131.691)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.996.827.280)	(77.537.468.002)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(31.959.847.225)	(16.945.732.629)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.080.129.716)	(9.257.632.320)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	104.590.759.921	132.550.996.537
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(87.137.037.136)	(76.125.868.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.586.508.935	56.299.779.378
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(138.008.603.677)	(16.066.887.711)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	2.906.663.637	687.934.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	600.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.500.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	(1.362.420.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.503.152.236	1.725.093.980
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146.098.787.804)	(15.015.679.185)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	278.142.378.052	162.945.088.708
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(165.103.582.712)	(198.183.597.514)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.744.970.000)	(323.190.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.800.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	106.493.825.340	(35.561.698.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(34.018.453.529)	5.722.401.387
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50.949.688.678	45.400.106.459
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	227.970.351	(172.819.168)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.159.205.500	50.949.688.678

V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
- Ý kiến kiểm toán độc lập :
 - + Như trình bày tại mục @ của Thuyết minh số 15 “Các khoản đầu tư tài chính dài hạn”, chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH Liên doanh BNX-VIETTRANSTIMEX. Do giới hạn về phạm vi kiểm toán nêu trên, chúng tôi không thể đánh giá tính đầy đủ và hợp lý của khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.
 - + Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/11/2010. Tuy nhiên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cả năm 2010 bao gồm số liệu của 2 giai đoạn: Doanh nghiệp Nhà nước (10 tháng



đầu năm), Công ty cổ phần (2 tháng cuối năm). Việc trình bày số liệu so sánh như vậy là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

- Theo ý kiến Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Các nhận xét đặc biệt : không

2. Kiểm toán nội bộ

- Không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

Stt	Đơn vị	Vốn điều lệ	Vốn Công ty mẹ		Vốn cổ đông khác	
			Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
<i>Công ty con</i>						
1	Công ty CP VTĐPT 2	9.737.480.000	6.272.289.167	64%	3.465.190.833	36%
2	Công ty CP VTĐPT 6	13.400.220.000	7.528.482.252	56%	5.871.737.748	44%
3	Công ty CP VTT HN	4.793.000.000	3.564.902.052	74%	1.228.097.948	26%
4	Công ty TNHH LD BNX-Vietranstimex	1.600.000.000	816.000.000	51%	784.000.000	49%
<i>Công ty liên kết</i>						
5	Công ty CP Cảng DV Dầu khí TH Quảng Bình	250.000.000.000	12.500.000.000	5%	237.500.000.000	95%

- Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đã thu hồi vốn góp tại Công ty TNHH LD BNX-VIETRANSTIMEX với số tiền là 816.000.000 đồng.

2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con

2.1 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2

- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức 2 được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa đơn vị trực thuộc Công ty Vận tải đa phương thức theo Quyết định số 269/QĐ – BGTVT ngày 25/01/2005 của Bộ Giao thông vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2903000033 ngày 18 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/11/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

+ Vốn điều lệ: 9.737.480.000 đồng



- + Vốn góp thực tế đến 31/12/2011: 9.737.480.000 đồng
- Trụ sở chính
 - + Địa chỉ: 02 Lê Lợi, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.
 - + Điện thoại: 052 - 3822114
 - + Fax: 052 - 3820708
- Ngành nghề kinh doanh chính
 - + Vận tải hàng hóa; Vận tải đường thủy; Kinh doanh vận tải hàng quá cảnh, hàng thiết bị toàn bộ liên vận quốc tế; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải;
 - + Dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
 - + Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng;
 - + Chuẩn bị mặt bằng; Mua bán (cả xuất nhập khẩu) ô tô và các xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác; Đại lý môi giới, đấu giá; Cho thuê xe có động cơ;
 - + Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; bán buôn xăng dầu và sản phẩm có liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị khác lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn (cả xuất nhập khẩu) tổng hợp nguyên liệu, chất đốt, thạch cao, Klinker phục vụ cho sản xuất xi măng;
 - + Bán lẻ xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh;
 - + Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
 - + Vận tải hành khách đường bộ; Kinh doanh bách hóa tổng hợp.
- Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2011 là 85 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 12 người.
- Tình hình tài chính năm 2011:

Doanh thu thuần	đồng	54.929.588.915
Lợi nhuận trước thuế	đồng	(1.450.138.780)
Lợi nhuận sau thuế	đồng	(1.450.138.780)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cổ phiếu	(1.489)

2.2 Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6

- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức 6 trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải biển II được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3808/1999/QĐ/BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000004 ngày 09 tháng 04 năm 2000. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/09/2010.
 - + Vốn điều lệ: 13.400.220.000 đồng
 - + Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011: 13.400.220.000 đồng
- Trụ sở chính



- + Địa chỉ: 38 Lê Văn Linh, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Điện thoại: 08 - 54010748
- + Fax: 08 - 54010751
- Ngành nghề kinh doanh chính
 - + Kinh doanh vận tải biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
 - + Kinh doanh vận tải đa phương thức;
 - + Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành hàng hải;
 - + Đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hóa, môi giới hàng hải;
 - + Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, lưu kho bãi và cho thuê kho bãi, trạm làm hàng container;
 - + Dịch vụ kiểm kiện và giao nhận hàng hóa;
 - + Dịch vụ cảng: hoa tiêu lai dắt và hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom đồ rác và xử lý nước la canh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước và điện công cộng, sửa chữa khẩn cấp trang thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng.
- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 30 người. Trong đó nhân viên quản lý 17 người.
- Tình hình tài chính năm 2011:

Doanh thu thuần	đồng	35.764.213.501
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.796.857.651
Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.339.369.693
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cổ phiếu	1.012

2.3 Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy Hà Nội được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Vận tải thủy Hà Nội trực thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội theo Quyết định số 4334/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 03 năm 2011, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22 tháng 08 năm 2011.
 - + Vốn điều lệ: 4.793.000.000 đồng
 - + Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011: 4.793.000.000 đồng
- Trụ sở chính
 - + Địa chỉ: Tổ 11, xóm Tân Thành, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
 - + Điện thoại: (04) 39 945 266
 - + Fax: 04 - 36 446 960
- Ngành nghề kinh doanh chính



- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ. Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm thủy sản.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm).
- Dịch vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Bán buôn gạo.
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt.
- Sản xuất vỏ bao bì xi măng, bao bì các loại;
 Nhập khẩu và nhận ủy thác nhập khẩu trong việc mua sắm thiết bị, máy móc phụ tùng ngành giao thông đô thị;
 San lấp mặt bằng, tôn tạo và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị;
 Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông công chính vừa và nhỏ;
 Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy, vận tải ô tô; gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí;
 Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, kinh doanh các dịch vụ, hoạt động hỗ trợ cho vận tải hàng thông thường, hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng siêu trường, siêu trọng, các thiết bị toàn bộ trong và ngoài nước, bao gồm:
 + Hoạt động khác hỗ trợ cho vận chuyển (dịch vụ môi giới, thuê tàu biển, đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế; thiết kế, chế tạo và lắp đặt thiết bị, máy móc) (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
 + Dịch vụ làm thủ tục hải quan;
 + Đại lý vận tải;
 + Đại lý kinh doanh xăng dầu; mua bán xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng;
 + Dịch vụ du lịch nội địa bao gồm: đặt vé máy bay, tàu hỏa, ô tô, đặt chỗ khách sạn, tổ chức các tour du lịch trong nước;
 + Kinh doanh dịch vụ bến xếp dỡ trung chuyển hàng hóa, kinh doanh bến bãi và dịch vụ trông giữ ô tô;
 + Bốc xếp, vận tải hàng hóa liên hợp thủy bộ, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng;
 + Kinh doanh vận tải hàng hóa và vận tải hành khách đường bộ;
 + Kinh doanh vận tải hành khách và các dịch vụ du lịch trên sông;
 + Kinh doanh vận tải hàng hóa đường sông và vận tải đa phương thức;



- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 3 người.
- Tình hình tài chính năm 2011:

Doanh thu thuần	đồng	5.753.758.713
Lợi nhuận trước thuế	đồng	(499.382.861)
Lợi nhuận sau thuế	đồng	(499.382.861)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cổ phiếu	(927)

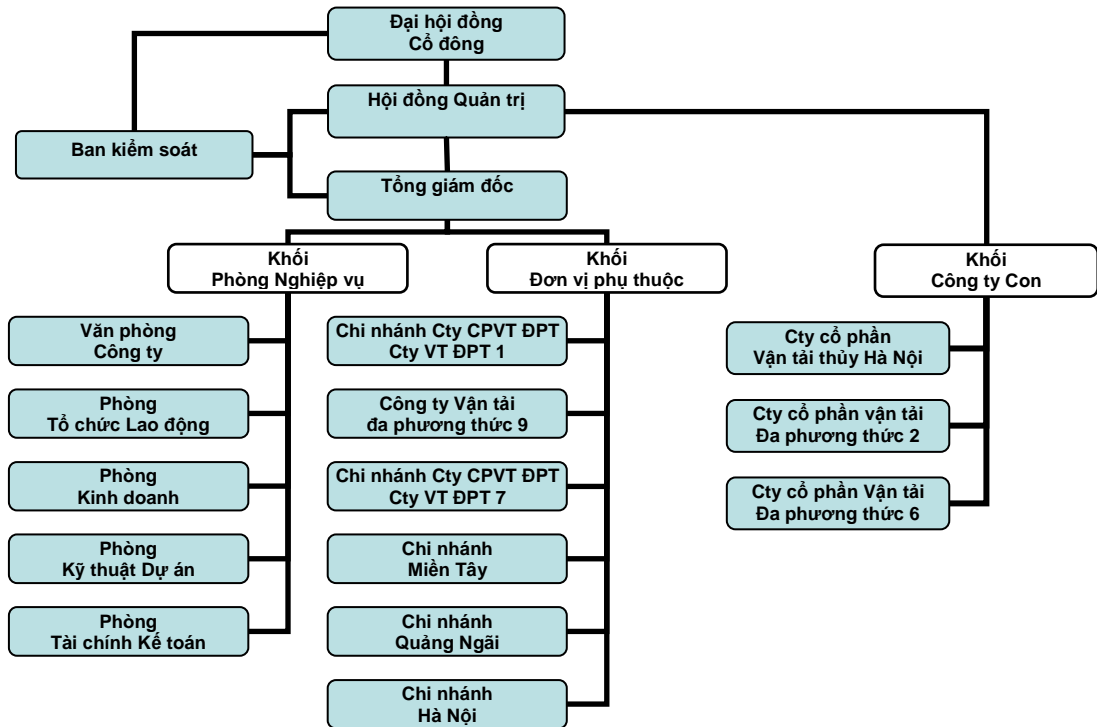
2.4 Công ty TNHH liên doanh BNX-VIETRANSTIMEX

- Công ty TNHH Liên doanh BNX - VIETRANSTIMEX được thành lập bởi Bên Việt Nam - Công ty Vận tải đa phương thức (nay là Công ty CP Vận tải đa phương thức) và Bên nước ngoài - BNX Shipping Inc (có trụ sở đăng ký tại 19440 Dominguez Hills Dr. Rancho Dominguez, CA 90220, Hoa Kỳ) theo giấy chứng nhận đầu tư số 411022000221 ngày 16/04/2008 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 25 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận, xếp dỡ hàng hóa được vận tải bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không; dịch vụ khai thuê hải quan.
- Trụ sở chính
 - + Địa chỉ: 40 Lê Văn Linh, Quận 4, TP.HCM
 - + Điện thoại: 08.38265445 Fax: 08.38265446
- Tình hình tài chính năm 2011 :

Doanh thu thuần	đồng	9.477.038.091
Lợi nhuận trước thuế	đồng	298.748.647
Lợi nhuận sau thuế	đồng	245.986.383
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng/cổ phiếu	246

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty (tại thời điểm 31/12/2011)



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng Quản trị

2.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Nguyễn Tăng Mãng

- Ngày sinh : 15/02/1963 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 200011434; ngày cấp: 17/04/2010; nơi cấp: Công an Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : Tổ 18, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ : C - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 18/01/1986 đến 31/10/1992	Công ty Dịch vụ vận tải II	Nhân viên kế toán tổng hợp phòng Kế toán tài vụ
Từ 01/11/1992 đến 22/09/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ 23/09/1996 đến 13/01/1997	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Xuất nhập khẩu thuộc Cty Dịch vụ vận tải II
Từ 14/01/1997 đến 26/10/1997	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ 27/10/1997 đến 29/02/2005	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán trưởng Công ty
Từ 02/04/2006 đến 23/03/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
Từ 01/03/2005 đến 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị



2.2 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Nguyễn Đăng Sâm

- Ngày sinh : 28/12/1943 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201372915; ngày cấp: 23/06/2010; nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 88 Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư vận tải ô tô
- Trình độ ngoại ngữ : A – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 07/1959 đến 05/1976	Ty Giao thông Vận tải Tỉnh Quảng Bình	Cán bộ thống kê kế hoạch Trưởng Ban tham mưu vận tải Trưởng Phòng vận tải
Từ 06/1976 đến 09/1983	Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Bình Trị Thiên	Trưởng Phòng Vận tải Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp
Từ 10/1983 đến 12/1988	Trung tâm điều hòa vận tải khu vực miền Trung – Bộ Giao thông Vận tải	Phó giám đốc
Từ 01/1989 đến 10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Tổng Giám đốc
Từ 11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

2.3 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Lê Văn Hùng

- Ngày sinh : 28/04/1956 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201164559; ngày cấp: 04/12/2008; nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : K263/9 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân toán, Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Trình độ ngoại ngữ : B - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
05/1979 đến 10/1992	Công ty Dịch vụ vận tải II	Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ
11/1992 đến 01/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó trưởng phòng Kế hoạch điều độ
02/1996 đến 02/2004	Công ty Dịch vụ vận tải II	Trưởng phòng Kinh doanh
5/2004 đến 04/2006	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6
03/2005 đến 04/2007	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 9
05/2007	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Phó trưởng ban Ban chuẩn bị cổ phần



đến 06/2008		hóa Công ty Vận tải đa phương thức
07/2008 đến 04/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - đại diện phần vốn Nhà nước, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
05/2010 đến 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT Công ty mẹ - Đại diện phần vốn Nhà nước, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Ủy viên Hội đồng quản trị

2.4 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Hà Tiến Đức

- Ngày sinh : 20/10/1968 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201149809; ngày cấp: 10/ 12/ 2011; nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : Tổ 7, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ : A - Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 7/1991 đến 5/1993	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán viên phòng Tài chính kế toán
Từ 6/1993 đến 6/1994	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán trưởng Chi nhánh DVVT Bình Định
Từ 7/1994 đến 1/1996	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán trưởng Xí nghiệp vận tải biển
Từ 2/1996 đến 4/2002	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kế toán chuyên quản phòng Tài chính kế toán
Từ 5/2002 đến 1/2004	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó Giám đốc Xí nghiệp Vận tải xếp dỡ
Từ 2/2004 30/10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT – Trưởng ban K.soát
Từ 01/11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Ủy viên HĐQT

2.5 Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phan Thanh Tùng

- Ngày sinh : 22/07/1970 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 030828718; ngày cấp: 02/01/1998; nơi cấp: Công an TP Hải Phòng
- Hộ khẩu thường trú : 19B Nguyễn Trung Trực, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu



- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác tàu biển, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Trình độ ngoại ngữ : Cử nhân Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 04/1994 đến 06/1994	PTSC Hà Nội	Nhân viên thương mại
Từ 06/1994 đến 12/1997	Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên vô tuyến điện
Từ 01/1998 đến 11/1998	Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên quản lý vật tư
Từ 12/1998 đến 07/2001	Phòng Thương mại - Xí nghiệp tàu Dịch vụ dầu khí PTSC	Nhân viên Kinh tế hợp đồng
Từ 08/2001 đến 01/2002	Xí nghiệp Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Phó phòng phụ trách phòng Thương mại
Từ 02/2002 đến 05/2007	Xí nghiệp Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Phó giám đốc
Từ 05/2007 đến 12/2007	Công ty Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Phó giám đốc
Từ 12/2007 đến 12/2011	Công ty Dịch vụ cơ khí Hàng hải	Giám đốc
Từ 01/2012 đến nay	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Phó Tổng Giám đốc

3. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng giám đốc

3.1 Tổng Giám đốc – Nguyễn Đăng Sâm

- Xem mục 2.2 nêu trên.

3.2 Phó Tổng Giám đốc – Võ Duy Nghi

- Ngày sinh : 01/04/1968 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND số: 201048594; ngày cấp: 12/10/1999; nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 56 Thanh Sơn, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị công
- Trình độ ngoại ngữ : C – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ năm 1993 đến năm 1997	Công ty Dịch vụ vận tải II	Nhân viên Phòng Kinh doanh
Từ năm 1998 đến năm 2003	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó Phòng Kinh doanh
Từ năm 2004 đến năm 2007	Công ty Vận tải đa phương thức	Trưởng Phòng Kinh doanh
Từ năm 2008 đến 10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc



Từ 11/2010
đến nay

Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức

Phó Tổng Giám đốc

3.3 Phó Tổng Giám đốc – Ngô Tứ

- Ngày sinh : 04/08/1960 Giới tính : Nam Quốc tịch : Việt Nam
- CMND/Hộ chiếu số: 200264375; Ngày cấp: 10/06/2010; Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng
- Hộ khẩu thường trú : 50 Hàn Thuyên, Thành phố Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực
- Trình độ ngoại ngữ : C – Anh văn
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công việc
Từ 03/1987 đến 11/1990	Công ty Dịch vụ vận tải II	Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 12/1990 đến 12/2000	Công ty Dịch vụ vận tải II	Phó phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 01/01/2001 đến 06/2008	Công ty Vận tải đa phương thức	Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư
Từ 07/2008 đến 10/2010	Công ty Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc
Từ 11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức	Phó Tổng Giám đốc

3.4 Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

- Không có thay đổi.

3.5 Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc

- Tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh và quy chế tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp của Công ty.

3.6 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CBCNV (*tính đến thời điểm 31/12/2011*): 427 người.
- Chính sách đối với người lao động căn cứ :
 - + Các quy định hiện hành của Nhà nước;
 - + Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động; quy chế phát triển nguồn nhân lực; quy chế đánh giá kết quả hoàn thành công việc; quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển và từ chức; quy chế tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp;
 - + Nội quy lao động;
 - + Thỏa ước lao động tập thể.

3.7 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

- Không có thay đổi.



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Hội đồng Quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh	Phân loại thành viên
1	Nguyễn Tăng Mãng	Chủ tịch	Thành viên chuyên trách không điều hành
2	Nguyễn Đăng Sâm	Ủy viên	Thành viên điều hành
3	Hà Tiến Đức	Ủy viên	Thành viên điều hành
4	Lê Văn Hùng	Ủy viên	Thành viên điều hành
5	Phan Thanh Tùng	Ủy viên	Thành viên không điều hành

1.2 Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng ban
2	Ông Văn Khương	Ủy viên
3	Châu Hoài Thanh	Ủy viên

1.3 Hoạt động của HĐQT

1.3.1 Các phiên họp của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp thường kỳ theo đúng quy định mỗi quý 01 lần và nhiều phiên họp không định kỳ, mở rộng để giải quyết các vấn đề quản lý và điều hành của Công ty với những nội dung cụ thể tại Mục 3 - Những quyết nghị của Hội đồng quản trị dưới đây.
- Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị không có cuộc họp bất thường nào và không có thành viên nào vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng.
- Trong các phiên họp, số lượng các thành viên Hội đồng Quản trị thực tế có mặt trực tiếp tối thiểu từ 4/5 thành viên trở lên; thành viên nào vắng mặt đều có thông báo lý do và thực hiện biểu quyết đầy đủ, hợp lệ bằng văn bản các vấn đề nghị sự của phiên họp đó.
- Tại các phiên họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc báo cáo đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty và trả lời các chất vấn có liên quan.

1.3.2 Những quyết nghị của Hội đồng quản trị

- Các quyết nghị thông qua tại các phiên họp đều nhận được sự đồng thuận với tỷ lệ 5/5 của các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Một số nội dung trong các nghị quyết của Hội đồng Quản trị được phân công cụ thể cho các thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách triển khai; một số nội dung ủy nhiệm cho Tổng giám đốc thực hiện.
- Sau đây là nội dung chính các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành sau các phiên họp trong năm 2011 cũng như hoạt động của các tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị, công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

1.3.2.1 Về tổ chức bộ máy và nhân sự

a) Công tác tổ chức

- Hội đồng Quản trị đã nhận định chính xác tình hình thực tế, phân tích nguyên nhân, xác định mục tiêu, giải pháp và định hướng chiến lược phát triển Công ty trong năm kế



hoạch và những năm tiếp theo từ đó xây dựng, lựa chọn phương án để dần từng bước triển khai phương án tái cấu trúc toàn Công ty.

Đối với Công ty mẹ

- Thành lập 02 tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị là Ban Tái cấu trúc Công ty mẹ và Ban Giám sát hoạt động điều hành Công ty Vận tải đa phương thức 9 do các thành viên Hội đồng Quản trị làm trưởng ban.
- Trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiện có, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập lại đơn vị phụ thuộc chủ lực của Công ty mẹ là Công ty Vận tải đa phương thức 9 theo cơ cấu tổ chức mới.
- Thống nhất chủ trương thí điểm chuyển Chi nhánh Hà Nội và Công ty Vận tải đa phương thức 1 từ đơn vị hạch toán phụ thuộc báo sổ sang đơn vị hạch toán phụ thuộc tự trang trải.

Đối với các Công ty con

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tham gia, thực hiện phương án tách Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội thành 2 công ty độc lập là Công ty cổ phần Vận tải đường sông Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải thủy Hà Nội.
- Quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh, thoái vốn và đồng ý cho Người đại diện phần vốn giải thể Công ty TNHH Liên doanh BNX – VIETRANSTIMEX do kinh doanh không hiệu quả, trong khi đó không đề ra được giải pháp khắc phục và không đạt được mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn xây dựng, thực hiện giai đoạn đầu phương án tái cấu trúc toàn diện Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2 đảm bảo nhanh gọn và hiệu quả.

b) Công tác nhân sự

- Sau khi thành lập lại Công ty Vận tải đa phương thức 9, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Thành Chung làm Giám đốc Công ty Vận tải đa phương thức 9.
- Hội đồng Quản trị đã phân công Ông Nguyễn Tăng Mãng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Trưởng ban Tái cấu trúc Công ty và Ông Lê Văn Hùng - Ủy viên Hội đồng Quản trị làm Phó ban; Ông Hà Tiến Đức - Ủy viên Hội đồng Quản trị làm Trưởng ban Giám sát hoạt động điều hành Công ty Vận tải đa phương thức 9 ; bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng làm Trưởng ban thư ký Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị thống nhất với Tổng giám đốc việc bổ nhiệm một số chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.
- Hội đồng Quản trị đã miễn nhiệm nhiệm vụ Người đại diện phần vốn Công ty mẹ tại Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2 đối với Ông Lê Văn Hùng. Đồng thời cử Ông Võ Duy Nghi - Phó Tổng giám đốc Công ty thay thế và đã trúng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2; cử Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Trưởng ban kiểm soát Công ty mẹ tham gia ứng cử và đã trúng cử chức danh Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 2.
- Cử Ông Võ Duy Nghi - Phó Tổng giám đốc Công ty làm người đại diện vốn của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức tại Công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quảng Bình).

1.3.2.2 Về quản lý đầu tư



- Xem xét phê duyệt các dự án đầu tư tài sản theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục đầu tư	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2011	Thực hiện năm 2011	Tỉ lệ hoàn thành
1	10 xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc	12.500	0	-
2	10 bơm nước cao áp phục vụ ballast	3.600	2.637	73%
3	Cơ sở hạ tầng kho bãi Vũng Thùng tại Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng	8.440	274	3%
4	Cơ sở hạ tầng kho bãi Dung Quất tại Khu kinh tế Dung Quất, Tỉnh Quảng Ngãi	9.600	3.300	34%
5	Cơ sở hạ tầng kho bãi Cát Lái tại Khu công nghiệp Cát Lái, Quận 2, TP HCM	1.760	0	0%
6	Nhà văn phòng 16/17 Hùng Vương, Thành phố Đà Nẵng (Quyền SDD)	600	856	142%
7	Cây xăng dầu 18 Yết Kiêu, Sơn trà , Thành phố Đà Nẵng	900	0	0%
8	Thiết bị văn phòng và phần mềm quản lý	800	268	34%
9	Góp vốn vào Công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	25.000	12.500	50%
10	Xây dựng kho bãi Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	0	3.578	
Tổng cộng		63.200	23.413	37%

- Do nhu cầu thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đòi hỏi cấp bách nên Hội đồng Quản trị quyết định chưa đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi tại Vũng Thùng và Cát Lái trong năm 2011 mà chuyển nguồn vốn đó để đầu tư xây dựng kho bãi tại Phú Mỹ để tập kết phươg tiện thiết bị và nhân lực của Công ty tạo thuận lợi cho việc phục vụ các dự án dầu khí tại Vũng Tàu và sẵn sàng kho bãi cho các chủ hàng tại Phú Mỹ và các khu công nghiệp lân cận thuê.
- Theo dõi giám sát và kiểm tra chất lượng, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng đã phê duyệt đảm bảo tiến độ, hiệu quả và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư xây dựng cơ bản.
- Sau khi xem xét tính hiệu quả, Hội đồng Quản trị đã thống nhất chủ trương để Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức 6 biểu quyết nhượng bán 01 sà lan (SL07) trọng tải 2.000 DWT.

1.3.2.3 Về công tác quản lý chung

- Ban hành Bộ quy chế quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức bao gồm:
 - + Quy chế quản trị của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
 - + Tổ chức bộ máy toàn Công ty;
 - + Quy chế quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;



- + Quy chế dân chủ cơ sở;
- + Quy chế hoạt động của Ban Tái cấu trúc Công ty, Ban chỉ đạo giám sát hoạt động điều hành tại Công ty Vận tải đa phương thức 9.
- Hoàn thành hồ sơ báo cáo, để quyết toán bàn giao vốn Nhà nước sau cổ phần hóa cho Bộ Giao thông Vận tải, hiện hồ sơ đang được thẩm tra xem xét; riêng phần vốn thặng dư sau đợt IPO của Công ty đã bàn giao cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
- Phối hợp với Bộ máy điều hành xây dựng chuyên đề, tổ chức hội thảo để phổ biến, lấy ý kiến về phương án tái cấu trúc Công ty bao gồm : định hướng sáp nhập các Công ty con vào Công ty mẹ; chuyển đổi hình thức hạch toán cho Chi nhánh Hà Nội và Công ty Vận tải đa phương thức 1; chuyển đổi hình thức giao khoán sản xuất cho Công ty Vận tải đa phương thức 9.

1.3.2.4 Về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Hội đồng Quản trị đã họp mở rộng, thống nhất với Bộ máy điều hành kế hoạch tổ chức, bố trí nhân sự các ban, phân công chuẩn bị cơ sở vật chất, dự thảo các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ 2012 như Quý vị cổ đông đã thấy cho đến buổi tổ chức đại hội này.
- Đồng thời, Hội đồng Quản trị cũng đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại các Công ty con xây dựng, phê duyệt kế hoạch tổ chức, dự thảo các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 của các Công ty con dự kiến tổ chức vào cuối tháng 04/2012 và đầu tháng 05/2012 để thông qua kết quả kinh doanh năm 2011 và kế hoạch năm 2012, đặc biệt là việc xem xét thông qua Phương án sáp nhập các Công ty con vào Công ty mẹ.

1.4 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Phối hợp tham gia với HĐQT và Ban TGDĐ trong việc xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 của công ty mẹ và công ty con.

1.5 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn thiện và bổ sung Bộ quy chế quản lý và điều hành của Công ty.
- Tiếp tục xem xét cải tiến toàn bộ các quy trình thuộc Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

1.6 Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí khác

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Giá trị các khoản tiền lương, thù lao và chi khác cụ thể như sau :



Đơn vị tính: đồng.

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/Thù lao	Thưởng tết	Cộng
<i>Hội đồng quản trị</i>				
Nguyễn Tăng Mãng	Chuyên trách	531.614.000	25.576.000	557.190.000
Lê Văn Hùng	Không chuyên trách	36.000.000		36.000.000
Hà Tiến Đức	Không chuyên trách	36.000.000		36.000.000
Nguyễn Đăng Sâm	Không chuyên trách	36.000.000		36.000.000
Phan Thanh Tùng	Không chuyên trách	36.000.000		36.000.000
<i>Ban kiểm soát</i>				
Nguyễn Thị Thu Thủy	Chuyên trách	234.866.000	18.001.000	252.867.000
Ông Văn Khương	Không chuyên trách	12.000.000		12.000.000
Châu Hoài Thanh	Không chuyên trách	12.000.000		12.000.000
Tổng tiền lương, thù lao và thưởng tết				978.057.000
Chi khác				
Tổng cộng				978.057.000

1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : không phát sinh.
- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : không phát sinh
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng :

Stt	Chức danh	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Tăng Mãng	2.400	0,01%
2	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Nguyễn Đăng Sâm	5.000	0,03%
3	Ủy viên HĐQT	Hà Tiến Đức	1.800	0,01%
4	Ủy viên HĐQT	Lê Văn Hùng	3.100	0,02%
5	Ủy viên HĐQT	Phan Thanh Tùng	0	0,00%
6	Trưởng Ban kiểm soát	Nguyễn Thị Thu Thủy	1.700	0,01%
7	Ủy viên Ban kiểm soát	Ông Văn Khương	9.400	0,05%
8	Ủy viên Ban kiểm soát	Châu Hoài Thanh	0	0,00%



9	Phó Tổng giám đốc	Võ Duy Nghi	39.600	0,20%
10	Phó Tổng giám đốc	Ngô Tứ	2.300	0,01%
11	Kế toán trưởng	Phan Văn Phúc	1.700	0,01%
Tổng cộng			67.000	0,34%

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những “Người có liên quan” tới thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng :

Stt	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Vợ của Ủy viên HĐQT Lê Văn Hùng	3.000	0,02%
2	Nguyễn Thị Hồng	Vợ của Phó Tổng giám đốc Ngô Tứ	2.700	0,01%
3	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	Con của Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Nguyễn Đăng Sâm	1.500	0,01%
4	Trần Thị Minh Dung	Vợ của Kế toán trưởng Phan Văn Phúc	1.300	0,01%
5	Nguyễn Thị Minh Tiên	Vợ của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tăng Mãng	50.000	0,25%
Tổng cộng			58.500	0,29%

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tại thời điểm 31/12/2011)

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu		
		Hạn chế chuyển nhượng	Không hạn chế chuyển nhượng	Tổng
<i>Cổ đông trong doanh nghiệp</i>	346	0	477.446	477.446
- HĐQT, BKS, Ban TGD	9	0	67.000	67.000
- CBCNV	337	0	410.446	410.446
<i>Cổ đông ngoài doanh nghiệp</i>	78	3.000.000	16.522.554	19.522.554
- Tổ chức trong nước	5	3.000.000	15.960.128	18.960.128
- Cá nhân trong nước	73	0	562.426	562.426
Tổng cộng	424	3.000.000	17.000.000	20.000.000

2.1 Cổ đông Nhà nước

- Đơn vị chủ sở hữu : Bộ Giao thông vận tải
- Địa chỉ : 80 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Số cổ phần sở hữu : 12.290.640 cổ phần; tỷ lệ : 61,45%
- Loại cổ phần : phổ thông

2.2 Cổ đông chiến lược

- Tên : Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
- Trụ sở chính : Lầu 5, Tòa nhà PetroVietNam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0100150577 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006; Vốn điều lệ : 3.000 tỷ đồng; trong đó vốn Nhà nước (PetroVietnam) là 60%.
- Số lượng cổ phần : 3.000.000 cổ phần; tỷ lệ : 15%
- Loại cổ phần : phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày 01/11/2010.

2.3 Cổ đông lớn khác

- Cổ đông lớn khác là những cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên (không bao gồm : cổ đông Nhà nước và cổ đông chiến lược) :

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)	2.400.000	12%
2	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital)	1.000.000	5%



Nguyễn Đăng Sâm